

Số/No: 26/M3/0002-01

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 25/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 25
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026
15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\BM\05.3-01

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ <i>Basic dimentions</i> - Đường kính ngoài/ <i>Outside diameter</i> - Đường kính trong/ <i>Inside diameter</i>	mm mm	TCVN 8699: 2011	32,2 25,2
2	Độ bền kéo đứt/ <i>Tensile strength at break</i>	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2038
3	Độ bền màu/ <i>Resistance to color</i> NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ <i>No change color</i>
4	Độ bền nén / <i>Compression strength</i>		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,3%/ <i>Deformation 3,3%</i> (Không nứt vỡ/ <i>No cracking</i>)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ <i>Force measured when compressed to 60% of outside diameter</i>	N	TCVN 8699: 2011	2623
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ <i>Force measured when compressed to close tube</i>	N	TCVN 8699: 2011	3591
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ <i>Tolerance voltage 10 kV/1 phút</i>		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ <i>No punctured</i>
8	Độ bền va đập ở 20°C/ <i>Resitance to impact</i> (<i>h=2m; m = 1,25 kg</i>)		Theo yêu cầu khách hàng/ <i>Customer request</i>	Không vỡ/ <i>No breaking</i>



*** Hết ***



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\BM\05.3\0002-02

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 30/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 30
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026
15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

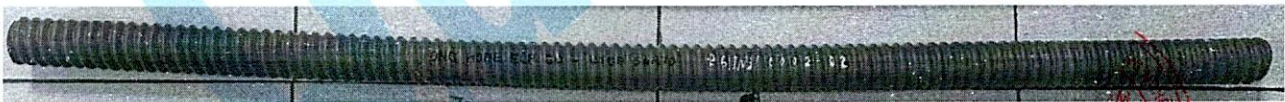
Số/No: 26/TN.3/1102-02

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	39,8 30,2
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2043
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,5%/ Deformation 2,5% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	3151
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	4239
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 1,375 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\BM/0002-03

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 40/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 40
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026

17 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\BM\05.3/0002-03

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	49,6 39,8
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2073
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,3%/ Deformation 3,3% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	3336
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	4496
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 1,5 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26.TN/3/0002-04

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample: Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 50/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 50
- Khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity: 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date: 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description: 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period: Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date: 21/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thủy Hằng

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026
1/ GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/1/0002-04

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	64,5 50,3
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2044
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,3%/ Deformation 2,3% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	3702
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	4715
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 1,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/ĐN.3/0002-05

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 65/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 65
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng
Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026

[Signature] **GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26 / DV.3 / 0002-05

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimentions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	85,1 65,3
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2057
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,3%/ Deformation 2,3% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	3695
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	5036
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 2,25 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

Thủy
LƯU
ÔNG
JONG 1
ING CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/DN.3/0002-06

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 72/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 72
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thủy Hằng

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026
15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/0002-06

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	92,5 71,4
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2073
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,4%/ Deformation 2,4% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	4046
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	5195
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 2,25 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/DV3/0002-07

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 80/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 80
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

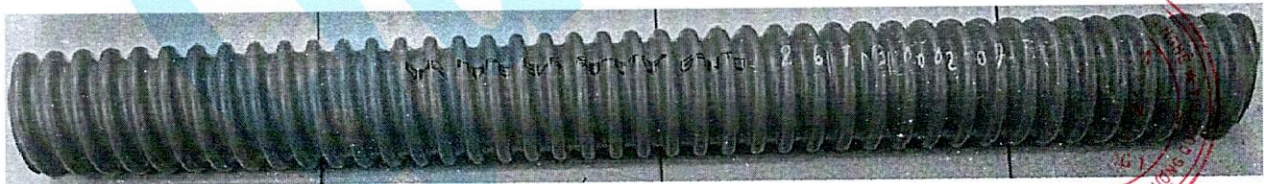
Số/No: 26/TN/000.2-07

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimentions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	104,3 80,3
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2079
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,5%/ Deformation 2,5% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	4225
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	5527
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 2,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\BM\002-08

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 90/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 90
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/M3/0002-08

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	110,3 89,8
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2089
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,4%/ Deformation 3,4% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	4301
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	5736
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 2,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/DV/1002-09

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 100/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 100
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026
15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\3/0002-09

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ <i>Basic dimentions</i> - Đường kính ngoài/ <i>Outside diameter</i> - Đường kính trong/ <i>Inside diameter</i>	mm mm	TCVN 8699: 2011	129,5 99,7
2	Độ bền kéo đứt/ <i>Tensile strength at break</i>	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2072
3	Độ bền màu/ <i>Resistance to color</i> NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ <i>No change color</i>
4	Độ bền nén / <i>Compression strength</i>		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,1%/ <i>Deformation 3,1%</i> (Không nứt vỡ/ <i>No cracking</i>)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ <i>Force measured when compressed to 60% of outside diameter</i>	N	TCVN 8699: 2011	5387
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ <i>Force measured when compressed to close tube</i>	N	TCVN 8699: 2011	6573
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ <i>Tolerance voltage 10 kV/1 phút</i>		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ <i>No punctured</i>
8	Độ bền va đập ở 20°C/ <i>Resitance to impact</i> (<i>h=2m; m = 2,75 kg</i>)		Theo yêu cầu khách hàng/ <i>Customer request</i>	Không vỡ/ <i>No breaking</i>



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/M3/0002-10

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 125/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 125
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026

1/5 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN.3/0002-10

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimention - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	159,6 124,3
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2096
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,6%/ Deformation 2,6% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	5593
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	6887
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 3,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/0002-11

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 150/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 150
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026
GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\3/0002-11

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimentions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	192,3 150,3
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2112
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,9%/ Deformation 2,9% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	6298
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	7691
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 4,0 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26 / DV 3 / 0002-12

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 160/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 160
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026

15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

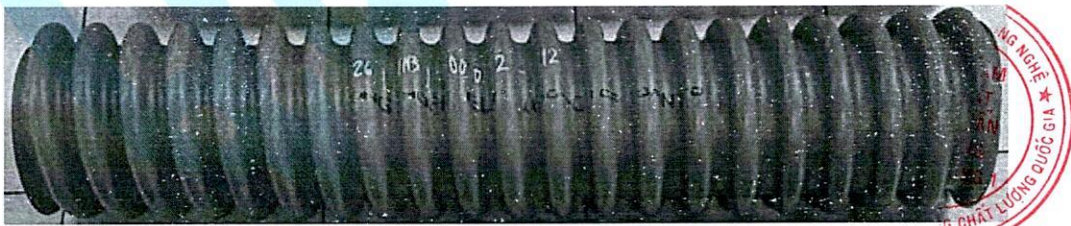
Số/No: 26/KNV/0002-12

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimentions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	201,5 160,2
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2100
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,3%/ Deformation 3,3% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	6569
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	8566
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 4,0 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\3/0002-13

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample: Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 175/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 175
- Khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity: 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date: 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description: 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period: Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date: 21/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026

15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

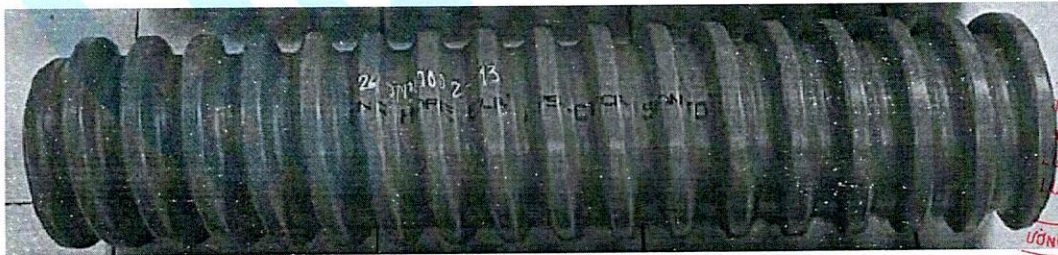
Số/No: 26/DV3/0002-13

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	229,1 175,2
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2072
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,4%/ Deformation 3,4% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	7059
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	8797
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 5,0 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/DV3/0002-14

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 200/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 200
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026
| T GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

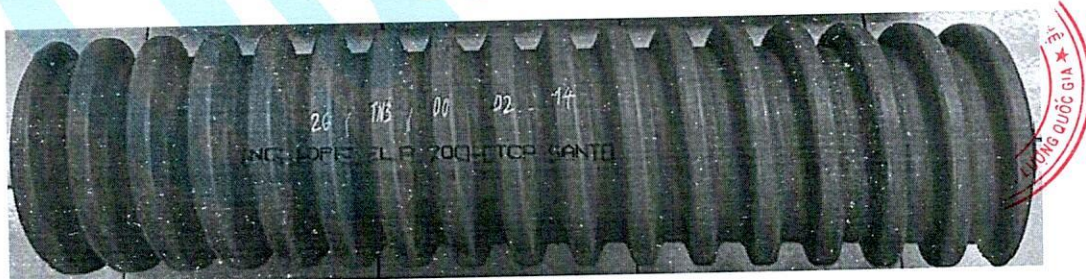
Số/No: 26/TN3/0002-14

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimentions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	259,6 200,4
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2107
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,2%/ Deformation 3,2% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	7579
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	8958
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 5,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/MVH/0002-15

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Santo ELP 250/
Santo HDPE Flexible Pipe ELP 250
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Santo/ Santo Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 08/ 01/ 2026 đến ngày 21/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 21/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 21/ 01/ 2026

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/10002-15

Trang/Page: 2/12

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimentions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	319,6 250,4
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2133
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,4%/ Deformation 3,4% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	8091
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	9865
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 7,5 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.